

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 398/2020/DS-PT

Ngày: 26/5/2020

V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Loan

Các Thẩm phán: Ông Lê Ngọc Tường

Bà Trần Thị Kim Quy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Thanh Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 237/2020/TLPT-DS ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc: “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do Bản án số 517/2019/DS-ST ngày 27/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1956/2020/QĐPT-DS ngày 24 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4471/2020/QĐPT-DS ngày 13 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Hồ Thanh T**, sinh năm 1968.

Địa chỉ thường trú: Số 13/7 đường V, khu phố 5, phường P, thành phố T, tỉnh B.

Địa chỉ tạm trú: Số 28 tỉnh lộ 8, ấp 1, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Thái Thu L**, sinh năm 1966. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 8 đường Ng, khu phố 1, phường H, thành phố T, tỉnh B.

Là người đại diện theo ủy quyền. (Giấy ủy quyền số công chứng 00000403, quyền số 01/TP/CC-SCC/UQ do Văn phòng Công chứng Hồ Nhật Tú Trinh, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 10/01/2020)

2. *Bị đơn:* Ông **Tô Văn M**, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Số 20 đường số 22, ấp 2, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông **Nguyễn Đình A**, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số 24 đường D4, Khu dân cư J, phường P, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh hoặc ông **Tô Tấn Nh**, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Là người đại diện theo ủy quyền. (Giấy ủy quyền số công chứng 00004318, quyền số 05TP/CC-SCC/UQ do Văn phòng Công chứng Hồ Nhật Tú Trinh, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 11/5/2020)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư **Trần Kim H** – Công ty Luật TNHH Hoàng Trần và Cộng sự – thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 24 đường D4, Khu dân cư J, phường P, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà **Nguyễn Hoàng Mai Th**, sinh năm 1969. (Có mặt)

Địa chỉ thường trú: Số 13/7 đường V, khu phố 5, phường P, thành phố T, tỉnh B.

Địa chỉ tạm trú: Số 28 tỉnh lộ 8, ấp 1, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà **Nguyễn Thị Y**, sinh năm 1956. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 20 đường số 22, ấp 2, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Người làm chứng:* Ông **Lữ Đ**, sinh năm 1972. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 9, ấp 3, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Hồ Thanh T và bị đơn ông Tô Văn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thể hiện nội dung vụ án như sau:

Trong Đơn khởi kiện ngày 23/11/2018, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 31/01/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hồ Minh T trình bày: Ông T (tên thường gọi là ông Q) và ông M (tên thường gọi là S) là bạn bè, thường đi chơi với nhau và cùng sống ở xã T, huyện C. Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 30/12/2017, ông T có cùng ông M dự đám cúng đình ở Đình L thuộc ấp 3, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh và cùng ngồi chung bàn với nhau. Trong bàn, ngoài hai ông còn có nhiều người khác trong đó có ông

Lữ Đ. Lúc chuẩn bị ra về, người bán vé số tên Nguyễn Thị M tới mời ông Lữ Đ mua 04 tờ vé số có cùng dãy số 648470 của đài Thành phố Hồ Chí Minh xổ vào chiều ngày 30/12/2017. Ông Đ cầm 04 tờ vé số xem xong mua 02 tờ, còn 02 tờ ông Đ nói “số này đẹp, anh mua hai tờ đi”. Ông T mua 02 tờ rồi đưa cho ông M và nói “chú S giữ, chiều trúng báo liền”. Ông M cất 02 tờ vé số vô túi rồi cùng ông T ra về. Đến khuya ông hay tin hai tờ vé số ông đưa cho ông M giữ trúng giải đặc biệt, sáng ngày 31/12/2017 ông đến nhà ông M báo tin và nhận lại 02 tờ vé số đã trúng. Tuy nhiên ông M nói 02 tờ vé số ông gửi không trúng. Cùng ngày 31/12/2017, ông Đ gặp ông xác nhận hai tờ vé số mà ông Đ đưa cho ông đều trúng giải đặc biệt.

Ông đã nhiều lần yêu cầu ông M trả lại cho ông 02 tờ vé số trúng giải đặc biệt nhưng ông M không đồng ý. Nay, ông yêu cầu ông M trả lại cho ông giá trị của 02 tờ vé số trúng giải đặc biệt là 3.600.000.000 đồng, trả 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Tô Văn M trình bày: Ông và ông T có cùng đi đám cúng đình với nhau vào tháng 12/2017. Ông có mua vé số và cho ông T 01 tờ, khi ra về ông T cho lại ông 01 tờ vé số nhưng không trúng. Nay ông T yêu cầu ông trả lại cho ông T giá trị của 02 tờ vé số trúng giải đặc biệt là 3.600.000.000 đồng thì ông không đồng ý vì thật sự 02 tờ vé số ông T đưa cho ông không trúng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hoàng Mai Th trình bày: Mọi quyết định của ông Hồ Minh T là quyết định của bà, do bận công việc nên bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện C cho bà vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ kiện.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Y trình bày: Bà là vợ ông Tô Văn M. Trong vụ kiện tranh chấp giữa ông T và ông M, bà hoàn toàn thống nhất với ý kiến của ông M, ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác. Do bận việc nên bà xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện.

Người làm chứng ông Lữ Đ trình bày: Vào ngày 30/12/2017, tại Đình L thuộc xã T, huyện C là ngày lễ Kỳ Yên của Đình, ông có gặp ông T và ông T cho ông 70.000 đồng để mua vé số. Người bán vé số còn 12 tờ, đầu tiên ông mua 07 tờ chia ra cho 07 người, còn 05 tờ ông bỏ tiền ra mua, trong đó có 04 tờ cùng số seri, ông tặng lại cho ông T 02 tờ nhưng ông T không giữ mà đưa cho ông Tô Văn M tên thường gọi là S. Chiều cùng ngày có người ở trong đình báo là ông trúng số giải đặc biệt với dãy số là 648470 mở ngày 30/12/2017. Ông xác định 02 tờ vé số ông đưa cho ông T là 02 tờ trúng giải đặc biệt.

Vì lý do bận công việc làm ăn nên ông xin vắng mặt trong tất cả các buổi hòa giải và các phiên xét xử của Tòa án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 517/2019/DS-ST ngày 27/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Thanh T buộc ông Tô Văn M trả lại cho ông T số tiền 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng); Thanh toán 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 31/12/2019, bị đơn ông Tô Văn M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 03/01/2020, nguyên đơn ông Hồ Thanh T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Hồ Thanh T có bà Thái Thu L là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Khi đi cúng đình, ông T có mua của bà M 02 tờ vé số của Đài Thành phố Hồ Chí Minh và đưa cho ông M giữ giùm. Chiều cùng ngày, ông T được thông báo là 02 tờ vé số đó trúng giải đặc biệt. Sự việc có sự chứng kiến của bà M, ông Đ và chính ông M cũng thừa nhận giữ tờ vé số của ông T đưa. Do vậy, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông M giao lại cho ông T giá trị của 02 tờ vé số là 3.600.000.000 đồng. Tại Bản án sơ thẩm chỉ tuyên buộc ông M phải giao lại cho ông T giá trị của 01 tờ vé số là 1.800.000.000 đồng nên ông T kháng cáo. Tuy nhiên, trong phiên tòa hôm nay ông T rút kháng cáo, đồng ý với phán quyết của Tòa sơ thẩm.

Bị đơn ông Tô Văn M có Luật sư Trần Kim H là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày: Người đại diện của nguyên đơn cho rằng bị đơn có nhận 02 tờ vé số từ ông T và cả 02 tờ này đều trúng giải đặc biệt là dựa trên lời khai của ông Lữ Đ và bà M. Tuy nhiên không có căn cứ nào chứng minh tờ vé số mà ông T đưa cho ông M mang số hiệu 648470. Trong quá trình làm việc tại cấp sơ thẩm, ông Lữ Đ khai chỉ trúng 02 tờ vé số giải đặc biệt nhưng kết quả xác minh tại Công ty TNHH Một thành viên Xổ Số Kiến Thiết Thành phố Hồ Chí Minh lại thể hiện ông Đ trúng 03 tờ vé số. Điều này chứng tỏ ông Đ không trung thực trong việc cung cấp lời khai. Vì thực tế ông Đ trúng thưởng 03 tờ vé số, bà Ch cùng đi cúng Đình trúng 01 tờ. Như vậy là đủ 04 tờ cùng số seri như ông Đ khai nên không thể còn 02 tờ nào khác để ông T mua và đưa cho ông M được. Tòa cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai của ông Lữ Đ và yêu cầu của nguyên đơn để xét xử là chưa thỏa đáng. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn ông Tô Văn M có ông Nguyễn Đình A là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Khi đi cúng đình, ông M có mua vé số và cho ông T 01 tờ, sau đó ông T có cho lại ông M 01 tờ nhưng cả 02 tờ đều không trúng, hoàn toàn không có việc ông M giữ giùm ông T 02 tờ vé số. Ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận yêu cầu của ông T đòi ông M phải trả cho ông T giá trị của 02 tờ vé số.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hoàng Mai Th trình bày: Bà xác định ông M có trúng thưởng giải đặc biệt, bởi có sự việc khi con trai ông M đang lái xe trên chuyến xe chạy hợp đồng thì gia đình ông M điện thoại cho biết là trúng số. Con trai ông M la lên và mọi người dân đi trên chuyến xe đó đều biết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự cũng được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ cho thấy có sự việc ông M và ông T gặp nhau ở lễ cúng Đình L vào trưa ngày 30/12/2017 và cũng có sự việc ông T mua vé số của bà M rồi đưa cho ông M giữ. Mặc dù ông M không thừa nhận có trúng thưởng nhưng qua lời khai của nhân chứng là ông Lữ Đ, bản tường trình của bà M là người bán vé số thì 02 tờ vé số ông M giữ trúng thưởng giải đặc biệt là có thật. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay ông T rút kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông T, không chấp nhận kháng cáo của ông M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ người liên quan là bà Nguyễn Thị Y và người làm chứng là ông Lữ Đ tham gia phiên tòa vào lúc 14 giờ ngày 13/5/2020 và lúc 08 giờ ngày 27/5/2020 nhưng bà Y vắng mặt không lý do, còn ông Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điểm d Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn rút đơn kháng cáo nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của nguyên đơn.

Xét kháng cáo của bị đơn về việc không đồng ý trả cho nguyên đơn giá trị của 01 tờ vé số kỳ vé 17.12E7 mang số hiệu 648470 xổ ngày 30/12/2017, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ lời khai của ông T, ông M, ông Đ cho thấy có sự kiện vào ngày 30/12/2017 ông T và ông M gặp nhau tại lễ cúng Đình L và tại đây ông T có giao vé số cho ông M. Việc giao nhận giữa ông T và ông

M chỉ nói miệng và không cùng nhau xác định số tờ cũng như dãy số ghi trên vé số là những con số nào. Ông T cho rằng vé số ông giao cho ông M trúng giải đặc biệt nhưng ông M phủ nhận. Như vậy, vấn đề cần làm rõ là vé số mà ông T giao cho ông M có trúng giải đặc biệt hay không?

Theo lời khai của ông T thì khi dự đám cúng Đình L ngày 30/12/2017 ông ngồi nhậu cùng bàn với ông M, lúc chuẩn bị ra về người bán vé số vào (bà Nguyễn Thị M) tới mời ông Lữ Đ mua 04 tờ vé số có cùng dãy số 648470 của Đài Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Đ nói với ông T, “số này đẹp tao lấy 02 tờ, mày lấy 02 tờ...”. Sau khi trả tiền cho bà M, ông T quay lại đưa 02 tờ vé số cho ông M.

Ông Đ khai rằng (BL 61): Người bán vé số còn 12 tờ, đầu tiên ông lấy 07 tờ chia ra, còn 05 tờ còn lại ông mua ông trả tiền trong đó có 04 tờ vé số cùng seri. Ông tặng lại ông T 02 tờ nhưng ông T không giữ mà đưa cho ông M. Chiều cùng ngày có người ở trong đình báo ông trúng số đặc biệt số là 648470 mở ngày 30/12/2017.

Theo giấy xác nhận của bà M (BL39): Bà có mời ông M (Đ) mua 04 tờ vé số là số 648470 của Đài Thành phố Hồ Chí Minh. Ông M (Đ) mua 02 tờ còn đưa 02 tờ cho ông Q giày (T), ông Q giày (T) đưa gửi 02 tờ vé số đó cho ông S (M). Chiều đó đài xổ 04 tờ bà M bán cho ông M và ông Q đều trúng độc đắc hết. Mấy người mua số của bà bữa đó trúng độc đắc tất cả 09 tờ.

Theo kết quả trả lời xác minh của Công ty TNHH Một thành viên Xổ Số Kiến Thiết tại Công văn số 50/CV- XSKT ngày 16/3/2019 và Công văn số 155/CV- XSKT ngày 12/5/2020 thì giá trị của vé số trúng giải đặc biệt sau khi trừ thuế thu nhập cá nhân còn lại là 1.800.000.000 đồng và những cá nhân, tổ chức đến lĩnh thưởng kỳ vé 17.12E7 mang số hiệu 648470 xổ ngày 30/12/2017 gồm: Đại lý Nguyễn Kế Đ (03 vé), Đại lý Nguyễn Minh Nh (01 vé), khách hàng Lữ Đ (03 vé), khách hàng Lâm Quang T (01 vé), khách hàng Nguyễn Minh B (01 vé).

Qua các chứng cứ nêu trên cho thấy lời khai của ông M, ông Đ, bà M có sự mâu thuẫn, cụ thể: Ông T, bà M đều khai, bà M mời ông Đ mua 04 tờ vé số, ông Đ mua 02 tờ và đưa qua cho ông T mua 02 tờ. Còn ông Đ lại khai bà M còn 12 tờ vé số, 07 tờ đầu ông Đ lấy chia đều cho mọi người, 05 tờ sau trong đó có 04 tờ cùng seri ông lấy 02 tờ còn cho ông T 02 tờ (không phải do ông T mua). Ngoài ra, lời khai của các đương sự còn mâu thuẫn với sự kiện thực tế là ông Đ lĩnh thưởng 03 tờ giải đặc biệt chứ không phải 02 tờ.

Tại Tòa phúc thẩm, người đại diện của nguyên đơn cho rằng vì lý do cá nhân nên ông Đ mới khai là chỉ trúng 02 tờ vé số. Như vậy, nếu không phải bà M và ông Đ có sự gặp gỡ và bàn bạc về lời khai (mặc dù có khác nhau về ai là người mua) thì chính người bán vé số là bà M cũng không nhớ chính xác được sự việc bán vé số như thế nào (vì bà M chỉ khai là ông Đ mua 02 tờ). Hơn nữa, nguyên đơn khai bà M không tự viết được nên nguyên đơn đã đưa bà M đến chỗ đánh máy để nhờ đánh máy. Do đó, việc ông T căn cứ vào lời

khai của ông Đ, bà M để chứng minh rằng ông đã gửi ông M giữ giùm 02 tờ vé số trúng giải đặc biệt nhưng lời khai của ông Đ, bà M lại thiếu sự chính xác, không đảm bảo tính khách quan và mâu thuẫn với kết quả thu thập được về số tờ ông Đ trúng thưởng trên thực tế. Mặt khác, trong số những người lĩnh thưởng lại không có tên của ông Tô Văn M và người đại diện của nguyên đơn cũng xác định trong danh sách những tổ chức, cá nhân lĩnh thưởng mà Công ty TNHH Một thành viên Xổ Số Kiến Thiết Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp ông Tâm không quen ai ngoài ông Đ. Ông T không có chứng cứ nào chứng minh ông M có lĩnh thưởng kỳ vé 17.12E7 mang số hiệu 648470.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại các Đại lý vé số có trong danh sách nhận thưởng nhưng theo Công an phường Đ, Quận 12 cho biết địa chỉ đăng ký của Đại lý Nguyễn Minh Nh không có trên địa bàn. Còn tại địa chỉ của Đại lý Nguyễn Kế Đ, Tòa án cũng có được thông tin rằng, phía đại lý không bao giờ lưu lại bất kỳ thông tin nào của người nhờ đổi thưởng.

Từ sự phân tích trên, không có căn cứ để xác định ông M đã trúng thưởng giải đặc biệt xổ số kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 30/12/2017. Án sơ thẩm buộc ông M phải trả cho ông T giá trị của 01 vé số trúng giải đặc biệt là 1.800.000.000 đồng là không có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Chấp nhận kháng cáo của ông M, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T buộc ông M phải trả cho ông T giá trị của 02 tờ vé số sau thuế là 3.600.000.000 đồng

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn không được Tòa chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 104.000.000 đồng. Xét nguyên đơn có hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận nên Hội đồng xét xử giảm 50% án phí cho nguyên đơn, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 52.000.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp là 26.000.000 đồng. Nguyên đơn còn phải nộp số tiền là 26.000.000 đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn được Tòa chấp nhận nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Ông Tâm phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 148, Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166, 554, 556, 557, 559, 560 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 13, Điều 26, Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng cáo của ông Tô Văn M.

Tuyên xử: Sửa bản án sơ thẩm.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của nguyên đơn ông Hồ Thanh T.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Thanh T buộc ông Tô Văn M trả lại cho ông Hồ Thanh T số tiền là 3.600.000.000 (Ba tỷ sáu trăm triệu) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 52.000.000 (Năm mươi hai triệu) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà ông T đã nộp là 26.000.000 (Hai mươi sáu triệu) đồng theo Biên lai thu số AA/2017/0033936 ngày 23/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T còn phải nộp số tiền là 26.000.000 (Hai mươi sáu triệu) đồng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồ Thanh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà ông T đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0083238 ngày 03/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông Tô Văn M là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0083226 ngày 03/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- TAND huyện Củ Chi;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Loan

